

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 287/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 19 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và 83, 84, 110, 116 và 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 267/2020/HNST ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Minh N; sinh năm: 1975;

2. Bà Vương Thị T; sinh năm: 1977;

Cùng địa chỉ: Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh N và bà Vương Thị T được xác lập vào năm 2000, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình chung sống giữa bà ông Nguyễn Minh N và bà Vương Thị T hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Cả hai đều nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát

sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy tình cảm giữa ông Nguyễn Minh N và bà Vương Thị T đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Minh N và bà Vương Thị T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung họ và tên:

- Nguyễn Vương Phúc T, sinh ngày: 02/7/2001, giới tính: Nữ (đã trưởng thành);
- Nguyễn Vương Ngọc Á, sinh ngày: 20/10/2006, giới tính: Nữ.

Cả hai thống nhất sau khi ly hôn giao trẻ Nguyễn Vương Ngọc Á cho bà Vương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Ông Nguyễn Minh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), thực hiện vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 7/2020. Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con giữa ông Nguyễn Minh N và bà Vương Thị T là tự nguyện và phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh N và bà Vương Thị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Minh N và bà Vương Thị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Ông Nguyễn Minh N và bà Vương Thị T chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh N và bà Vương Thị T thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân phường Tân Kiểng, Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 03 năm 2000 không còn hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Vương Phúc T, sinh ngày: 02/7/2001, giới tính: Nữ (đã trưởng thành) và Nguyễn Vương Ngọc Á, sinh ngày: 20/10/2006, giới tính: Nữ.

Cả hai thống nhất sau khi ly hôn giao trẻ Nguyễn Vương Ngọc Á cho bà Vương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Ông Nguyễn Minh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), thực hiện vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 7/2020 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Minh N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Nguyễn Minh N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Nguyễn Minh N phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 ; nếu không có thỏa thuận thì được hiện theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Minh N và Bà Vương Thị T cùng liên đới chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số: AA/2018/32557 ngày 4 tháng 06 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, Hồ sơ (Thùy Trang).

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Bùi Viết Bình